

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Ea Kar,  
huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch đô thị và Quy hoạch khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-BXD ngày 04/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk là đô thị loại IV;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Công văn số 160/BXD-QHKT ngày 15/01/2021 của Bộ Xây dựng về việc đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 08/11/2019 của HĐND huyện Ea Kar về việc thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 730/SXD-QHKT ngày 07/4/2021, Công văn số 483/SXD-QHKT ngày 09/3/2021 và Báo cáo thẩm định số 680/BC-SXD ngày 30/10/2020.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035, với nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2035.

**2. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar.

**3. Đơn vị tư vấn:** Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn - Xây dựng COVIC và Trung tâm hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật.

**4. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:**

- Vị trí: Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Ea Kar, xã Cư Huê, xã Cư Ni, xã Ea Kmút, xã Ea Đar và xã Xuân Phú, huyện Ea Kar.

- Diện tích nghiên cứu: 7.502,58ha.

- Diện tích lập quy hoạch: Khoảng 1.993,28ha.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp : Xã Ea Sar và xã Ea Sô;

+ Phía Nam giáp : Xã Ea Ô và xã Ea Pal;

+ Phía Đông giáp : Thị trấn Ea Knốp;

+ Phía Tây giáp : Huyện Krông Pắc.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/2.000.

**5. Tính chất:**

- Là thị trấn huyện lỵ trung tâm tổng hợp hành chính - kinh tế - văn hóa - khoa học kỹ thuật của huyện Ea Kar, đầu mối giao lưu liên tỉnh phía Đông, giao lưu kinh tế- văn hóa xã hội trong khu vực, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện;

- Quy mô đô thị loại IV.

**6. Mục tiêu quy hoạch:**

- Xây dựng đô thị Ea Kar phát triển bền vững, có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát triển hài hòa giữa văn hóa với kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng bảo vệ môi trường;

- Xây dựng đô thị Ea Kar đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, cơ sở để lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng công trình trong đô thị.

**7. Quy mô dân số, đất đai và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:**

7.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2018 : Khoảng 40.733 người.
- Dự báo năm 2025 : Khoảng 53.000 người.
- Dự báo năm 2035 : Khoảng 63.000 người.

7.2. Cơ cấu sử dụng đất đai: *chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.*

7.3. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu: *chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.*

7.4. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: *chi tiết tại Phụ lục III kèm theo.*

## **8. Giải pháp tổ chức phát triển không gian đô thị:**

8.1. Định hướng tổ chức phát triển không gian quy hoạch (*Bản vẽ QH-03*):

- Định hướng tổ chức phát triển không gian quy hoạch bao gồm các trục phát triển chính của đô thị.

- Lấy trung tâm hành chính - chính trị huyện hiện trạng tại thị trấn Ea Kar và trung tâm hành chính chính trị mới tại xã Ea Đar làm 2 cực phát triển trọng tâm. Từ trung tâm hành chính - chính trị hiện trạng, phát triển lan tỏa về trung tâm các xã Xuân Phú, Cư Huê, Ea Kmút và Cư Ni. Từ trung tâm hành chính - chính trị mới, phát triển về 2 phía Quốc lộ 26 hình thành bộ mặt mới cho đô thị.

- Quốc lộ 26 – đường Nguyễn Tất Thành được xác định là trục ngang trung tâm đô thị, trục chính đô thị tiếp theo về phía Nam là đường Bà Triệu – Cao Bá Quát kéo dài từ hồ Ea Kar đến trung tâm hành chính mới. Trục đô thị ngang phía Bắc là đường Lê Thị Hồng Gấm kéo dài từ đồi Chư Cúc đi về phía thị trấn Ea Knốp.

- Trục dọc đô thị chính là trục trung tâm hành chính mới kéo dài từ đường vành đai phía Bắc vị trí nhà ga tuyến đường sắt đô thị Buôn Ma Thuột – Tuy Hòa kéo dài về đường vành đai phía Nam xã Cư Ni. Trục dọc đô thị tiếp theo là tuyến đường Tỉnh lộ 699 – Trần Phú kéo dài ra đường Quang Trung xuống phía Nam.

- Đô thị Ea Kar được bao quanh bởi 2 tuyến đường vành đai phía Bắc và phía Nam đảm bảo việc phát triển đô thị trong hiện tại và lâu dài.

8.2. Phân khu chức năng (*Bản vẽ QH-04*):

a) Phân khu chức năng bao gồm:

- Hành chính - chính trị huyện mới: Quy hoạch mới tại xã Ea Đar, gắn với quảng trường trung tâm. Các trung tâm hành chính cấp phường (dự kiến) hình thành trên cơ sở các UBND xã hiện trạng. Riêng với phường mới hình thành trên cơ sở thị trấn Ea Kar, trung tâm hành chính phường sẽ sử dụng lại một phần cơ sở vật chất của trung tâm hành chính huyện hiện tại.

- Giáo dục đào tạo:

+ Chinh trang các trường THPT và dạy nghề, gồm: Trường THPT Ngô Gia Tự (khối 3A, thị trấn Ea Kar); Trường THPT Trần Nhân Tông (km59, xã Ea Đar); Trung tâm giáo dục nghề nghiệp (khối 1, thị trấn Ea Kar)

+ Chinh trang kết hợp quy hoạch mới hệ thống trường cơ sở từ mầm non đến THCS, đáp ứng nhu cầu của dân cư hiện trạng và dân cư mới.

+ Về dài hạn: Thu hút đầu tư về giáo dục đào tạo chất lượng cao (trung cấp, cao đẳng, đại học) tại khu vực phía Nam khu trung tâm hành chính mới.

- Trung tâm y tế:

- + Chính trang các trung tâm hiện trạng gồm Bệnh viện 333 (xã Ea Đar) và Bệnh viện - Trung tâm y tế dự phòng huyện Ea Kar (thị trấn Ea Kar);
- + Chính trang hệ thống các trạm y tế xã và thị trấn hiện trạng.
- Trung tâm văn hóa: Quy hoạch trung tâm văn hóa mới của huyện tại xã Ea Đar, phía Nam trung tâm hành chính huyện và giáp với công viên hồ C6, gồm: Trung tâm hội nghị, Nhà văn hóa huyện, Thư viện huyện và Nhà văn hóa thiếu nhi...
- Trung tâm Thể dục thể thao:
  - + Quy hoạch mới trung tâm Thể dục thể thao tại xã Ea Đar, phía Đông quảng trường trung tâm mới và phía Bắc công viên hồ C6, gồm các chức năng sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu và các sân tập khác.
  - + Duy trì các khu vực sân thể thao đã có theo các đồ án quy hoạch chi tiết và quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
- Trung tâm thương mại:
  - + Hệ thống chợ đô thị gồm chợ Ea Kar hiện trạng tại thị trấn Ea Kar (phục vụ phía Đông đô thị) và chợ mới tại xã Ea Đar (phục vụ phía Tây đô thị).
  - + Quy hoạch mới siêu thị trung tâm trên Quốc lộ 26 đối diện khu vực quảng trường trung tâm.
  - + Chính trang và quy hoạch hệ thống chợ tại các xã còn lại.
  - + Kêu gọi đầu tư xã hội hóa cho các siêu thị phục vụ các khu dân cư, với bán kính phục vụ tối đa từ 500m (đối với khu dân cư mới) đến 1.000m (đối với các khu dân cư chính trang).
  - + Hình thành quỹ đất để phát triển các loại hình kinh doanh thương mại trong đô thị gồm: Chuyển đổi quỹ đất trung tâm hành chính chính trị hiện trạng tại thị trấn Ea Kar (sau khi đã chuyển trung tâm hành chính - chính trị về xã Ea Đar); các quỹ đất chưa xây dựng có diện tích lớn trên đường Bà Triệu kéo dài, đoạn từ hồ Ea Kar đến thôn 1 xã Cư Ni; hai bên trục dọc trung tâm qua trung tâm hành chính - chính trị mới tại xã Ea Đar và một số quỹ đất khác có vị trí thuận lợi về cảnh quan và giao thông.
  - + Về tầm nhìn: Quy hoạch hệ thống chợ và Trung tâm thương mại đầu mối đô thị gắn với ga đường sắt và bến xe liên tỉnh trên đường vành đai phía Bắc.
- Hệ thống công viên cây xanh và không gian mở, gồm:
  - + Công viên phía Tây đô thị: Từ phía Bắc đồi Chư Cúc đến hồ Ea Kar;
  - + Công viên trung tâm đô thị: Hồ C6.
  - + Công viên phía Đông đô thị: Hồ Ea Knốp.
  - + Hệ thống quảng trường: Quảng trường trung tâm hành chính – chính trị mới tại xã Ea Đar.
  - + Quy hoạch hệ thống công viên nhỏ và vườn đô thị, tận dụng các khu vực mặt nước hồ hiện trạng.
  - + Quy hoạch hành lang xanh phía Nam đô thị hai bên dòng chảy từ xã Cư Ni đến hồ Ea Knốp.
- Khu du lịch kêu gọi đầu tư xã hội hóa gồm:
  - + Khu du lịch trên đỉnh đồi Chư Cúc, với hình thức: Tổ hợp biệt thự khách sạn tháp tầng đẳng cấp cao.

+ Khu du lịch đồi 500 phía Nam hồ Ea Kar, với hình thức: Vui chơi giải trí đa năng gắn với du lịch nghỉ dưỡng.

+ Khu du lịch hồ Ea Knốp, với hình thức: Khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp, sân golf.

+ Quy hoạch các khu du lịch trong đô thị cần xét tới sự gắn kết với hệ thống các điểm du lịch khác trên địa bàn huyện như: Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô; Khu du lịch văn hóa cộng đồng tại 07 buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở xã Cư Huê; Khu du lịch hồ Krông Pắc thượng tại xã Cư Elang; Du lịch văn hóa tín ngưỡng cúng bến nước tại thị trấn Ea Kar và 2 xã Cư Ni, Ea Đar; Du lịch trang trại nông nghiệp tại thị trấn Ea Kar và 2 xã Ea Kmút, Cư Ni; Du lịch di tích danh thắng thác Dray Kpor tại xã Cư Bông.

b) Các trục không gian chính:

- Trục Quốc lộ 26 là tuyến đường chính xuyên suốt đô thị từ Tây sang Đông, bao gồm:

+ Kiến trúc tiêu biểu trên tuyến: Trụ sở HĐND-UBND huyện hiện tại, trung tâm thương mại Ea Kar, chợ Ea Kar, khối cơ quan hành chính mới chuyển về xã Ea Đar, UBND - HĐND huyện mới.

+ Trục không gian có điểm nhìn thoáng, thoải dần sang 2 bên Quốc lộ 26, điểm nhấn là đồi Chư Cúc ở phía đầu đô thị và điểm nhấn trung tâm là khối Trung tâm hành chính huyện mới kết hợp với quảng trường trung tâm ở phía Đông đô thị.

+ Cửa ngõ phía Tây và Đông với công chào vào đô thị tại 2 đầu nút giao.

+ Cụm công trình đầu mỗi đô thị với chợ Ea Kar và bến xe.

+ Kiến trúc nhà ở: Nhà ở mới và hiện trạng chỉnh trang theo hướng hiện đại, ở kết hợp với dịch vụ;

+ Các cảnh quan thiên nhiên trên trục không gian này là: Đồi Chư Cúc gắn với hồ Ea Kar.

+ Cảnh quan nhân tạo được quy hoạch mới là hoa viên Ea Kar tại ngã ba 49 và khu quảng trường trung tâm hành chính huyện mới.

- Đường Trung tâm hành chính huyện mới là tuyến đường mới từ Quốc lộ 26 vào Trung tâm hành chính - chính trị, từ Bắc xuống Nam.

+ Kiến trúc tiêu biểu trên trục không gian này gồm: Nhà ga Buôn Ma Thuật - Tuy Hòa, Trụ sở HĐND-UBND huyện.

+ Trung tâm văn hóa, trung tâm hội nghị và trung tâm thương mại mới của huyện.

+ Trung tâm dịch vụ tổng hợp cấp đô thị, công viên đô thị;

+ Kiến trúc nhà ở: Hình thành khu ở mới thấp tầng, mật độ xây dựng thấp;

+ Cảnh quan thiên nhiên là các đồi thoải với tầm nhìn thoáng và hồ Ea Đar.

+ Cảnh quan nhân tạo được quy hoạch mới bao gồm công viên đô thị cùng với quảng trường trung tâm.

- Đường Tỉnh lộ 699 (đường Trần Phú - Tỉnh lộ 3) là tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 26 qua Xuân Phú đi Buôn Hồ, từ Bắc xuống Nam bao gồm:

+ Kiến trúc tiêu biểu: Trụ sở UBND xã Xuân Phú.

- + Cửa ngõ phía Bắc.
- + Trung tâm thương mại dịch vụ cấp đô thị.
- + Kiến trúc nhà ở: Nhà ở mới và hiện trạng chỉnh trang theo hướng hiện đại, ở kết hợp với dịch vụ;
- + Các cảnh quan thiên nhiên hai bên đường được tôn tạo là hồ Ea Kruôi và bến nước của đồng bào dân tộc cạnh hồ Ea Kruôi.
- + Cảnh quan nhân tạo được quy hoạch mới là hoa viên Ea Kar tại ngã ba 49 giao với Quốc lộ 26.

- Đường Bà Triệu - Cao Bá Quát kéo dài là tuyến trục ngang đô thị nâng cấp và làm mới từ hồ Ea Kar qua trung tâm hành chính huyện mới đến cụm công nghiệp xã Ea Đar, từ Tây sang Đông bao gồm:

- + Kiến trúc tiêu biểu: Trung tâm thương mại phía hồ Ea Kar, các trung tâm thương mại trên trục đường, trung tâm thể thao, UBND - HĐND huyện mới, phía cuối là khu công nghiệp Ea Đar.
- + Công viên đô thị phía hồ Ea Đar;
- + Quảng trường Trung tâm;
- + Trung tâm Hành chính chính trị huyện mới.
- + Trung tâm văn hóa, trung tâm hội nghị, trung tâm thể thao.
- + Kiến trúc nhà ở: Nhà ở mới và hiện trạng chỉnh trang theo hướng hiện đại, ở kết hợp với dịch vụ.
- + Cảnh quan thiên nhiên trên trục cảnh quan này là hồ Ea Kar, hồ Ea Đar.

#### c) Quảng trường:

- Quảng trường trung tâm đô thị Ea Kar là quảng trường trước mặt Trung tâm hành chính chính trị.
- Không gian quảng trường gồm khu vực tổ chức sự kiện của đô thị và lễ đài. Trong đó, lễ đài sẽ có hướng nhìn từ phía Nam về phía Quốc lộ 26.
- Giữa quảng trường và Trung tâm hành chính - chính trị là hệ thống vòi phun nước, khu vực biểu diễn nhạc nước trong tương lai cho các sự kiện, lễ hội.
- Xung quanh quảng trường bao gồm: Trung tâm hành chính huyện mới và các khối cơ quan huyện, bên dưới là trung tâm hội nghị với kiến trúc hiện đại kết hợp truyền thống đặc trưng khu vực Tây Nguyên.
- Các không gian xanh giáp với Quốc lộ 26 được chỉnh trang thành vườn hoa, bãi đỗ xe.

#### 8.3. Tổ chức không gian:

- Tổ chức không gian trục chính trung tâm đô thị: Quốc lộ 26 (Nguyễn Tất Thành) là trục chính đô thị, có tính chất hoạt động chính là thương mại dịch vụ và bố trí các cơ quan, công trình công cộng tạo không gian linh hoạt, đường nét kiến trúc của các khối công trình hiện đại, đồng nhất, tạo điểm nhấn, tầm nhìn cho tương lai.

- Khu vực phát triển mới:

+ Khu trung tâm hành chính - chính trị sẽ là hạt nhân và là nhân tố quan trọng để phát triển các khu dân cư, văn hóa, thể thao mới ở khu vực này.

+ Khu vực trung tâm các phường mới được quy hoạch các khu dân cư và khu văn hóa thể thao.

- Khu ở: Các khu dân cư với hình thức kiến trúc đô thị nhịp nhàng và không gian phong phú, phù hợp với đô thị vùng Tây Nguyên.

- Khu chỉnh trang, cải tạo: Khu vực chỉnh trang cải tạo có quy mô khoảng 684.67 ha. Phạm vi khu vực hiện trạng chỉnh trang cải tạo là các quỹ đất xây dựng hiện trạng, chủ yếu là đất ở, một số công trình giáo dục, công cộng và đất kinh doanh.

- Khu cấm xây dựng:

+ Các hành lang an toàn kỹ thuật chính của đô thị : Hành lang bảo vệ Quốc lộ 26; Hành lang lưu không của các tuyến điện cao thế 220kV, 110kV; Hành lang dự phòng xây dựng đường sắt.

+ Đồi Chư Cúc ngoài phạm vi quy hoạch xây dựng và các mặt nước lớn trong phạm vi lập quy hoạch.

- Khu dự trữ phát triển: Khu vực dự trữ phát triển cho xây dựng có quy mô 1488.04 ha, là quỹ đất dự trữ phát triển cho các chức năng đô thị khác trong tương lai sau 2035.

8.4. Định hướng thiết kế đô thị (*Bản đồ QH-06A, QH-06B*):

- Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị.

- Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường lớn, điểm nhấn đô thị.

- Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước.

- Xác định tầng cao tối đa, tầng cao tối thiểu của các công trình xây dựng thuộc các khu chức năng, các khu trung tâm.

## **9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

9.1. Quy hoạch cấp điện (*Bản đồ QH- 05D*):

- Nguồn cấp điện: Từ trạm 110/35/10kV-2x25MVA Ea Kar (E49) nằm ngay sát ranh giới thị trấn. Cụ thể Khu vực nghiên cứu quy hoạch hiện đang được cấp điện từ trạm EaKar 110/35/22kV-25MVA (đặt tại xã Ea Đar).

- Lưới điện cao thế:

+ Các tuyến cao thế: 220kV từ phía Tây Bắc dọc theo đường tỉnh 699 tới, đi phía Bắc Quốc lộ 26 về phía Đông; 110kV từ phía Tây Bắc dọc theo đường tỉnh 699 đến trạm 110kV tại xã Ea Đar.

+ Đường dây cao thế 220kV và 110kV vẫn giữ nguyên hiện trạng và những nơi có đường dây cao thế đi qua phải đảm bảo hành lang an toàn điện cho cả hai tuyến cùng giải cây xanh giữa hai tuyến điện cao thế là 80m .

- Lưới điện trung thế:

+ Các tuyến điện trung thế đi nổi (35kV, 22kV) xuất phát từ trạm Ea Kar 110/35/22kV-25MVA cấp điện cho toàn khu, với các tuyến chính có hướng song song với Quốc lộ 26.

+ Đường dây trung thế 35KV từ trạm 110kV Ea Kar cấp điện cho trạm 35/10kV Krông Pắc (F7) giữ nguyên hiện trạng với những khu vực đã đi ven các

trục đường và những nơi còn lại sẽ cải tạo đi theo các trục đường mới mở. Tuyến 35kV đi qua các khu dân cư dùng cáp có bọc cách điện để đảm bảo an toàn cho dân và phải đảm bảo khoảng cách an toàn điện theo quy định.

+ Lưới trung áp 22kV: Lưới 22kV, trừ trục trung tâm (Quốc lộ 26) đi ngầm và chọn cáp lõi đồng XLPE 3x240 chôn trực tiếp dưới đất, các tuyến còn lại đi dây nổi có bọc cách điện.

+ Trên mạng lưới trung thế, các trạm biến áp phân phối hạ áp xuống 0,4kV cấp điện cho các hộ tiêu thụ.

+ Trên các tuyến phố chính trong thị trấn Ea Kar hầu hết đã có tuyến điện chiếu sáng đi chung cùng cột với lưới 0,4kV.

9.2. Quy hoạch giao thông (*Bản đồ QH-05A*): chi tiết tại Phụ lục số IV kèm theo.

9.3. Quy hoạch cấp nước (*Bản đồ QH-05C*):

- Nguồn nước cấp: Nguồn nước mặt hồ Ea Kar được cung cấp bởi nhà máy XLNS trên đồi Chư Cúc, dự kiến nâng công suất lên 14.700 m<sup>3</sup>/ngđ. Trong tương lai xa sẽ dùng nguồn cấp từ hồ Ea Puk.

- Vị trí nhà máy cấp nước và trạm bơm tăng áp:

+ Trạm xử lý nước sạch Chư Cúc: ở trên đồi Chư Cúc thuộc xã Ea KMút.

+ Trạm bơm tăng áp số 1, trạm bơm tăng áp 5, trạm bơm tăng áp 12 và trạm bơm tăng áp 13: Được bố trí trên địa bàn thị trấn Ea Kar.

+ Trạm bơm tăng áp 2, trạm bơm tăng áp 3, và trạm bơm tăng áp 4: Được bố trí tại xã Ea Đar.

+ Trạm bơm tăng áp 6, trạm bơm tăng áp 7: Được bố trí tại xã Cư Ni.

+ Trạm bơm tăng áp 8, trạm bơm tăng áp 9, trạm bơm tăng áp 10: Được bố trí tại thị trấn Ea kmút.

+ Trạm bơm tăng áp 11, trạm bơm tăng áp 14: Được bố trí trên địa bàn xã Cư Huê.

- Mạng lưới cấp nước: Mạng lưới truyền dẫn được tính toán đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 từ nhà máy nước đến các khu vực. Mạng phân phối có kích thước từ D100 đến D200. Mạng lưới dịch vụ cấp cho các hộ tiêu thụ nước có đường kính chủ yếu là D63- D75mm.

- Cấp nước cứu hỏa: Cấp nước cho cứu hoả sử dụng chung đường ống với hệ thống cấp nước dân dụng. Đường ống cấp chính cho các họng cứu hoả nằm trên đường chính khu vực, có đường kính ống từ D110 trở lên. Áp lực đường ống tại các họng cấp nước chữa cháy phải đạt tối thiểu là 10m để cấp nước cho xe ô tô chữa cháy. Không bố trí họng cứu hoả cho các đường tiếp giáp mặt nước. Khoảng cách giữa các họng là 150-300m.

9.4. Quy hoạch san nền, thoát nước mặt, thoát nước bản và vệ sinh môi trường (*Bản đồ QH-05B, QH-05F, QH-05G*):

a) Quy hoạch san nền:

- Lựa chọn cốt xây dựng đảm bảo cao hơn tần xuất ngập 20 năm/lần, cụ thể: Cao hơn 0,3m đối với khu vực dân dụng và cao hơn 0,5m đối với khu vực tiểu thủ công nghiệp.



- Lựa chọn cốt xây dựng đô thị đảm bảo thoát nước mặt tự nhiên theo hướng thoát nước mặt chủ đạo phù hợp với địa hình tự nhiên.

- Đối với địa hình có độ dốc 4% trở lên, nếu khu vực tự nhiên hiện không bị ngập úng, cốt xây dựng sẽ được lựa chọn bám sát địa hình tự nhiên nhằm giảm kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật.

- Cao độ khống chế :

+ Cốt xây dựng thấp nhất cho toàn đô thị: +413,57m.

+ Công tác san lấp chính: Địa hình quy hoạch được tổ chức theo từng cấp bám theo độ dốc tự nhiên, không thực hiện san phẳng hoàn toàn.

+ Công tác chuẩn bị kỹ thuật khác: Duy trì các hồ tự nhiên trở thành hạt nhân của các khu công viên cây xanh, kết hợp chức năng điều hòa nước trong mùa mưa. Duy trì và khơi thông các dòng thoát nước mặt tự chảy, các suối nhằm đảm bảo thoát nước nhanh trong mùa mưa.

- Khu vực mới: Trước khi xây dựng công trình cần bóc bỏ lớp đất màu bề mặt, cải tạo, xử lý san lấp cục bộ cho phù hợp với địa hình tự nhiên và khu vực lân cận. Hướng dốc nền về phía đường giao thông có đặt cống.

- Khu vực cũ: Cải tạo, xử lý cục bộ lại mặt nền cho phù hợp với hệ thống giao thông và mạng tiêu thoát nước mặt đã có.

b) Thoát nước mưa:

- Các hướng thoát nước mặt chính: Khu vực nghiên cứu có suối và hồ hiện có, việc thoát nước mặt là thuận lợi và nhanh chóng, hệ thống cửa xả đặt dọc các suối và hồ.

- Mạng lưới thoát nước: Hình thức thoát nước mặt trong mạng lưới là tự chảy về các cửa xả. Hệ thống thoát nước là cống hộp, được bố trí dọc theo các tuyến giao thông đô thị với kích thước từ B600xH800 đến B1600xH1800.

c) Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước bản là hệ thống thoát nước riêng. Nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư, các hộ gia đình thoát vào hệ thống cống riêng, đưa về trạm xử lý nước thải, xử lý đạt TCVN 2005 trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Trạm xử lý nước thải bao gồm:

+ Trạm số 1: Buôn Súc, xã Cư Ni.

+ Trạm số 2: Thôn 10, xã Ea Đar.

+ Trạm số 3: Giáp xã Ea Knốp

+ Trạm số 4: Thôn 4 xã Cư Ni

- Công nghệ xử lý nước thải được lựa chọn là xử lý sinh học không có sản phẩm bùn, có máy làm khô bùn, có thiết bị xử lý mùi hôi và xây dựng kín. Khoảng cách ly tối thiểu đến các khu dân dụng lân cận là 15m.

- Đối với các khu vực quy hoạch chỉnh trang: Thoát nước nửa riêng đến năm 2025 và có trạm xử lý nước thải cuối dòng trước khi xả ra môi trường, vận hành chủ yếu trong các ngày không có mưa; đến năm 2035 xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, tách biệt khỏi hệ thống thoát nước mặt. Đối với các khu vực quy hoạch mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn ngay từ đầu.

- Nước thải sinh hoạt trước khi chảy vào hệ thống cống phải được xử lý qua bể tự hoại đúng quy cách. Nước thải y tế độc hại phải được xử lý riêng trước khi chảy ra hệ thống cống chung.

- Cống thoát nước thải bố trí theo đường giao thông, ưu tiên tự chảy. Trên các đường phố từ 7m trở lên có nước thải phát sinh hai bên đường, bố trí cống thoát nước thải 2 bên.

#### d) Quản lý chất thải rắn:

- Tổ chức mạng lưới thu gom rác cho các điểm dân cư ở khu trung tâm. Tại các điểm thu gom rác đặt các thùng đựng rác có thể tích từ 01 đến 02m<sup>3</sup>, bán kính phục vụ từ 200 đến 300m; hàng ngày được thu gom, vận chuyển đến bãi rác chung của thị trấn để xử lý.

- Các công trình công cộng đều có thùng đựng rác riêng, lượng rác hàng ngày sẽ được thu gom và chuyên chở đến bãi rác.

- Sử dụng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, rác thải của đô thị sẽ được thu gom đưa về khu xử lý chất thải rắn đặt tại buôn Ea Puk xã Ea Sô trên trục Quốc lộ 29B đi sang Krông Năng, giáp khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô.

- Nghĩa địa trong nội thị các phường không mở rộng, trong tương lai sẽ xanh hóa. Quy hoạch nghĩa trang trong tương lai ngắn hạn tại thôn 9 xã Ea Sar với quy mô khoảng 30ha. Trong tương lai dài hạn nghĩa trang sẽ được quy hoạch ở buôn Ea Puk xã Ea Sô, trên trục Quốc lộ 29B đi sang Krông Năng.

### **10. Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Bảo vệ môi trường thị trấn Ea Kar cần được giải quyết bằng nhiều giải pháp tổng thể, đồng bộ nhằm: Kiểm soát ô nhiễm các khu vực phát triển, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm, xử lý triệt để chất thải rắn, lỏng, khí đảm bảo chất lượng không khí trong lành, phục hồi môi trường, cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, giảm thiểu tai biến môi trường, bảo vệ cảnh quan, bảo vệ môi trường, bảo vệ phát triển hệ sinh thái tự nhiên,...

- Các vấn đề môi trường có ảnh hưởng lớn nhất đến đô thị Ea Kar trong tương lai là sự hình thành cụm công nghiệp Ea Đar và sự tăng cường lưu lượng giao thông đối ngoại đi qua đô thị.

- Đưa ra các giải pháp chính nhằm hạn chế những tác động môi trường tiêu cực trong quá trình thi công và trong quá trình vận hành.

- Để bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch, cần thực hiện các công việc sau:

+ Sử dụng hợp lý tài nguyên đất, tài nguyên nước và bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên nước, môi trường không khí. Kiểm soát, khống chế ô nhiễm môi trường đô thị.

+ Quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn.

+ Phòng hộ môi trường: Thiết lập vành đai xanh phân cách giữa đô thị với các điểm dễ gây ô nhiễm môi trường, trục giao thông chính,...

+ Kiểm soát, khống chế ô nhiễm môi trường khu dân cư.

**11. Các quy định về không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị:** Thực hiện theo nội dung đồ án. Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. UBND huyện Ea Kar:

- Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này; tổ chức cắm mốc và quản lý mốc giới theo quy hoạch được duyệt; tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch theo quy định, để nhân dân trong khu vực được biết, thực hiện và giám sát;

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh thì kịp thời tổng hợp, báo cáo về Sở Xây dựng để tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý.

2. Giao Sở Xây dựng: Hướng dẫn UBND huyện Ea Kar xây dựng Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt, trình thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giáo dục và đào tạo; Chủ tịch UBND huyện Ea Kar và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN(V-7).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Cảnh**

**Phụ lục I**  
**BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2021*  
*của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Loại đất	Quy hoạch giai đoạn 2025			Quy hoạch giai đoạn 2035		
		Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất dân dụng</b>		<b>851,42</b>	<b>11,35</b>		<b>1.091,87</b>	<b>14,55</b>
1	Đất ở	OD01, ..., OD934	454,62	6,06	OD01, ..., OD934	536,66	7,15
2	Công cộng		18,69	0,25		22,98	0,31
a	Công cộng đô thị	CD01, ..., CD6	6,34	0,09	CD01, ..., CD6	10,15	0,14
b	Công cộng đơn vị ở	CC01, ..., CC65	12,35	0,16	CC01, ..., CC65	12,83	0,17
3	Thương mại, dịch vụ	TM01, ... TM52; TD01, ..., TD16	122,92	1,64	TM01, ... TM52; TD01, ..., TD16	145,47	1,94
4	Trường học		19,65	0,26		22,15	0,30
a	THPT	GD01, ..., GD41	3,45	0,05	GD01, ..., GD41	3,45	0,05
b	Đến cấp THCS	GP1, ..., GP3	16,20	0,21	GP1, ..., GP3	18,70	0,25
5	Cây xanh, công viên		56,33	0,75		62,83	0,83
a	Công viên, quảng trường	CV01, ..., CV26	43,49	0,58	CV01, ..., CV26	48,39	0,64
b	Cây xanh đơn vị ở	CX01, ..., CX32	12,84	0,17	CX01, ..., CX33	14,44	0,19
6	Giao thông		179,21	2,39		301,78	4,02
a	Đường giao thông		177,50	2,37		300,00	4,00
b	Bãi đỗ xe	BX01, ..., BX14	1,71	0,02	BX01, ..., BX14	1,78	0,02
<b>II</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>		<b>981,02</b>	<b>13,07</b>		<b>901,41</b>	<b>12,01</b>
1	Công nghiệp, sản xuất kinh doanh khác		8,49	0,11		8,49	0,11
a	Cụm công nghiệp		0,00	0,00		0,00	0,00
b	Đất sản xuất kinh doanh khác	SX1, ..., SX4	8,49	0,11	SX1, ..., SX4	8,49	0,11
2	Kho tàng		0,00	0,00		0,00	0,00
3	Nghiên cứu, đào tạo	KH1, ..., KH4	7,69	0,10	KH1, ..., KH4	7,69	0,10
4	Cơ quan, sự nghiệp	TS01, ..., TS48	21,36	0,28	TS01, ..., TS48	22,61	0,30
5	Trung tâm y tế	YT1, YT2	5,38	0,07	YT1, YT2	5,38	0,07
6	Du lịch		0,00	0,00		4,40	0,06
7	Di tích, danh thắng, tôn giáo, tín ngưỡng	DT1, ..., DT6	3,18	0,04	DT1, ..., DT6	3,18	0,04
8	Giao thông khác		77,95	1,04		91,31	1,22
a	Giao thông ngoài dân dụng		72,22	0,96		75,11	1,00
b	Bến xe, đầu mối giao thông đối ngoại	DB1, ..., DB4	5,73	0,08	DB1, ..., DB4	16,20	0,22
9	Đất hạ tầng kỹ thuật	HD1, ..., HD4	4,43	0,06	HD1, ..., HD4	4,43	0,06
10	Cây xanh khác		70,37	0,94		74,99	1,00

STT	Loại đất	Quy hoạch giai đoạn 2025			Quy hoạch giai đoạn 2035		
		Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
<i>a</i>	Đất thể thao	<i>CT1, ..., CT09</i>	14,34	0,19	<i>CT1, ..., CT11</i>	18,96	0,25
<i>b</i>	Cây xanh cách ly		16,19	0,22		16,19	0,22
<i>c</i>	Cây xanh chuyên đề	<i>CK1, CK2</i>	39,84	0,53		39,84	0,53
11	An ninh, quốc phòng	AQ01, ..., AQ13	13,89	0,19	AQ01, ..., AQ13	19,32	0,26
12	Đất tang lễ, nghĩa trang, nghĩa địa	NT1, NT2	1,52	0,02	NT1, NT2	1,52	0,02
13	Đất vườn trong lô đất ở		766,76	10,22		658,09	8,77
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>		<b>5.670,14</b>	<b>75,58</b>		<b>5.509,30</b>	<b>73,44</b>
1	Nông nghiệp		5.141,52	68,53		4.980,68	66,39
2	Mặt nước	MN01, ..., MN64	469,88	6,26	MN01, ..., MN64	469,88	6,26
3	Đất bảo vệ cảnh quan (đồi núi)		34,92	0,47		34,92	0,47
4	Đất cấm sử dụng (Hành lang tuyến điện cao thế)		23,82	0,32		23,82	0,32
<b>Tổng cộng</b>			<b>7.502,58</b>	<b>100,00</b>		<b>7.502,58</b>	<b>100,00</b>

**Phụ lục II**  
**BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHỦ YẾU**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2021*  
*của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Loại đất	Ký hiệu	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (Tầng)	Hệ số sử dụng đất
<b>I</b>	<b>Đất dân dụng</b>				
1	Đất ở	OD01, ..., OD934	80	1-5	4,0
2	Công cộng				
a	Công cộng đô thị	CD01, ..., CD6	40	1-4	1,6
b	Công cộng đơn vị ở	CC01, ..., CC65	40	1-6	2,4
3	Thương mại, dịch vụ				
a	Thương mại dịch vụ cấp đô thị	TD01, ..., TD16	40	1-7	2,8
b	Thương mại, dịch vụ cấp đơn vị ở	TM01,... TM52	40	1-5	2,0
4	Trường học				
a	Nhà trẻ mẫu giáo	GD01, ..., GD41	40	1-3	1,2
b	Trường tiểu học		40	1-4	1,6
c	Trường THCS		40	1-4	1,6
d	Trường THPT, Trường dân tộc nội trú, trung tâm giáo dục thường xuyên	GP1, ..., GP3	40	1-5	2,0
5	Đất trạm y tế	CC05, CC17, CC29, CC44	40	1-4	1,6
6	Đất cây xanh – Thể dục thể thao	CX01, ..., CX33	10	1-3	0,3
<b>II</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>				4,00
1	Nghiên cứu, đào tạo	KH1, ..., KH4	40	1-5	2,00
2	Cơ quan	TS01, ..., TS48	40	1-5	2,00
3	Trung tâm y tế	YT1, YT2	40	1-5	2
4	Di tích, danh thắng, tôn giáo, tín ngưỡng	DT1, ..., DT6	40	1-4	1,6
5	Bến xe, đầu mối giao thông đối ngoại	DB1, ..., DB4	40	1-4	1,6
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	HD1, ..., HD4	40	1-3	1,2
7	An ninh, quốc phòng	AQ01, ..., AQ13	40	1-5	2,0

**Phụ lục III**  
**BẢNG CHỈ TIÊU HẠ TẦNG KỸ THUẬT**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2021  
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Giai đoạn đến năm 2025</b>	<b>Giai đoạn đến năm 2035</b>
1	Cấp nước	Lít/người/ ng.đ	100	120
2	Cấp điện	Kwh/người/năm	400	1000
3	Thoát nước sinh hoạt	% lượng nước cấp	80	80
4	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/ng.ngđ	0,8	0,9

**Phụ lục IV**  
**QUY HOẠCH GIAO THÔNG (CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY**  
**DỰNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2021  
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

ST T	Loại đường	Ký hiệu mặt cắt	Chỉ giới đường đỏ (m)	Bề rộng đường (m)			Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi) (m)	
				Lòng đường	Dải phân cách	Via hè	Công trình khác	Khu dân cư
<b>I</b>	<b>Giao thông đối ngoại</b>							
1	Quốc lộ 26	2-2	37	23	2 x 3	2 x 4	5	0
2	Đường tỉnh 699	4-4	33	19	2 x 3	2 x 4	5	0
3	Đường nối Quốc lộ 26 với đường liên tỉnh Đắk Lắk – Phú Yên	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
<b>II</b>	<b>Giao thông đô thị</b>	6-6					5	0
1	Trục cảnh quan đô thị khu trung tâm hành chính mới	1-1	40	21	3	2 x 8	5	0
2	Đường vành đai phía Bắc	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
3	Đường phía Bắc Quốc lộ 26	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
4	Đường phía Nam Quốc lộ 26	3-3; 6-6	23-36	14-15	9; 0	2 x 4,5; 2 x 6	5	0
5	Đường vành đai phía Nam	5-5	26	14	3	2 x 4,5	5	0
6	Quang Trung	5-5	26	14	3	2 x 4,5	5	0
7	Đập nông trường 720	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
8	Cao Bá Quát	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
9	Trần Hưng Đạo	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
10	Hoàng Văn Thụ	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
11	Lê Thị Hồng Gấm	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
12	Hoàng Văn Thụ	6-6	17-23	10,5- 14	-	2 x 3,25; 2 x 4,5	5	0
13	Nguyễn Trãi	6-6	23	14	-	2 x 4,5	5	0
14	Ngô Gia Tự	7-7	17	10,5	-	2 x 3,25	5	0
15	Nguyễn Văn Cừ	7-7	13-17	7-10,5	-	2 x 3,25	5	0
16	Trần Nhân Tông	7-7	17	10,5	-	2 x 3,25	5	0
17	Trần Huy Liệu	7-7	17	10,5	-	2 x 3,25	5	0
18	Hai Bà Trưng	7-7	17	10,5	-	2 x 3,25	5	0



ST T	Loại đường	Ký hiệu mặt cắt	Chi giới đường đỏ (m)	Bề rộng đường (m)			Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi) (m)	
				Lòng đường	Dải phân cách	Vĩa hè	Công trình khác	Khu dân cư
19	Hoàng Diệu	7-7	17	10,5	-	2 x 3,25	5	0
20	Đình Núp	7-7	17	10,5	-	2 x 3,25	5	0
21	Hồ Xuân Hương	7-7	17	10,5	-	2 x 3,25	5	0
22	Nguyễn Bình Khiêm	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
23	Nguyễn Tri Phương	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
24	Phạm Ngũ Lão	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
25	Trần Thánh Tông	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
26	Lý Thường Kiệt	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
27	Trần Quang Khải	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
28	Âu Cơ	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
29	Nguyễn Thị Minh Khai	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
30	Lê Lợi	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
31	Lê Quý Đôn	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
32	Y Ngông	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
33	Mạc Đĩnh Chi	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
34	Mai Hắc Đế	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
35	Lê Hồng Phong	8-8	13	7	-	2 x 3	5	0
36	Mạc Thị Bưởi	10-10	10	7	-	2 x 1,5	5	0
37	Nguyễn Thái Học	10-10	10	7	-	2 x 1,5	5	0
38	Nguyễn Văn Trỗi	10-10	10	7	-	2 x 1,5	5	0
39	Y Thuyền Ksơ	10-10	10	7	-	2 x 1,5	5	0
40	Lạc Long Quân	10-10	10	7	-	2 x 1,5	5	0
41	Các tuyến khác	4-4; 4B-4B; 9-9	33; 30; 11,5	19; 21; 7		2 x 4; 2 x 4; 2 x 2,25	5	0